

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV sửa chữa máy bay 41.
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư để phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng Dolly, Trolley và lắp ráp ULD.
- Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Hợp đồng số 0104/HĐ/VIAGS - A41 ngày 01/4/2016 và Hợp đồng số 1203/HĐĐV/VIAGS - A41 ngày 12/3/2020.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Số 6 Thăng Long, Phường Tân Sơn Nhất, TP.Hồ Chí Minh.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí

hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp tổ chuyên gia nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

+ Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

+ Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

+ Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

+ Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

+ Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.

- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư phải cung cấp thêm một biểu mẫu đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D Chương IV. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT.

[Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó].

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
[ghi số hiệu hạng mục]	[ghi tên]	[ghi thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn]
1	Bàn chải đồng	Bàn chải đồng Bàn chải vệ sinh ri sét, cán bằng gỗ, chổi bằng sợi đồng kích thước sợi 0,25mm; kích thước chổi 5 hàng ngang, 15 hàng dọc, dài 20,5cm.
2	Băng gai dịnh	Băng gai dịnh chất liệu Polyester sợi đàn hồi, một mặt gai, một mặt là lông xù, màu đen; bản 5cm
3	Bát tăng cường	Bát tăng cường Vật liệu nhôm tấm 7075-T6 hoặc 2024-T351, dày 5mm, xử lý anodize chống ăn mòn; dạng góc vuông 90 ⁰ , có lỗ sẵn Φ6,4 để bắt rivet.
4	Bộ đầu mỏ cắt gió đá	Bộ đầu mỏ cắt gió đá gồm: 01 đồng hồ oxy; 01 đồng hồ gas (axetylen); bộ dây khí đôi 2 màu dài 5m; 01 đèn cắt gió đá; 01 đèn hàn gió đá; 01 béc; 02 van chống cháy ngược.
5	Bộ đầu mỏ hàn MIG	Bộ đầu mỏ hàn MIG gồm: béc hàn chất liệu bằng đồng, chụp khí, bộ chia khí chất liệu bằng đồng, sứ chia khí, khớp cách điện và thân súng hàn.
6	Cào nhỏ	Cào nhỏ dạng chữ C, chất liệu bằng thép, độ sâu lòng cào 52mm, độ mở 75mm, chiều dài tay quay cào 80mm, kích thước chung 165x103x27mm.
7	Cao su giảm chấn	Cao su giảm chấn Cao su đặc, chống rung, chống va đập,

		chịu tải trọng. Dạng tấm kích thước 120x80x50mm
8	Chất tẩy gỉ	Chất tẩy gỉ WD-40 Trạng thái dung dịch màu trong suốt, chứa trong bình/chai xịt có kèm vòi phun, quy cách 412ml.
9	Chất tẩy sơn	Chất tẩy sơn PR-205, trạng thái gel màu trắng. Thành phần chính là dung môi hữu cơ: Dichlormethan và methanol. Sử dụng nguyên chất trên bề mặt khô, thời gian đợi từ 5-10 phút.
10	Chốt khoá	Chốt khoá là vật liệu thép không gỉ, dạng trụ tròn $\Phi 12\text{mm}$, đầu tiện côn, chiều dài tổng thể 180mm
11	Đá cắt	Đá cắt $\Phi 100$, hiệu Hải Dương, màu xanh; Kích thước 100x1,5x16. Độ dày lưỡi cắt 1,5mm; đường kính ngoài 100mm; đường kính lỗ lắp máy 16mm; hạt mài corindon, cỡ hạt 46; Tốc độ tối đa 15200 R.P.M.
12	Đá cắt	Đá cắt $\Phi 150$, hiệu Hải Dương, màu xanh; Kích thước 150x2x22. Độ dày lưỡi cắt 2mm; đường kính ngoài 150mm; đường kính lỗ lắp máy 22mm; hạt mài corindon, cỡ hạt 36; Tốc độ tối đa 10200 R.P.M.
13	Đá cắt	Đá cắt $\Phi 350$, hiệu Hải Dương, màu xanh; Kích thước 355x3x25,4. Độ dày lưỡi cắt 3mm; đường kính ngoài 355mm; đường kính lỗ lắp máy 25,4mm; hạt mài corindon, cỡ hạt 30, tốc độ tối đa 4300 RPM.
14	Đá đánh bóng	Đá đánh bóng kích thước 110x12x16. Đường kính ngoài $\Phi 110\text{mm}$, đường kính lỗ lắp máy $\Phi 16\text{mm}$, độ dày 12mm. Màu xám, dạng ni đánh bóng chất hiệu gồm: hạt mài, sợi ni, keo, phụ gia công nghiệp
15	Đá đánh bóng	Đá đánh bóng kích thước 150x25x16. Đường kính ngoài $\Phi 150\text{mm}$, đường kính lỗ lắp máy $\Phi 16\text{mm}$, độ dày 25mm. Màu xám, dạng ni đánh bóng chất hiệu gồm: hạt mài, sợi ni, keo, phụ gia công nghiệp
16	Đá mài	Đá mài $\Phi 100$, hiệu Hải Dương, màu xanh; Kích thước 100x6x16. Độ dày lưỡi cắt 6mm; đường kính ngoài 100mm; đường kính lỗ lắp máy 16mm, cỡ hạt 24, tốc độ tối đa 15200 RPM.

17	Đá mài	Đá mài Φ 150, hiệu Hải Dương; Kích thước 150x6x22. Độ dày lưỡi cắt 6mm; đường kính ngoài 100mm; đường kính lỗ lắp máy 22mm, cỡ hạt 24, tốc độ tối đa 10200 RPM.
18	Dẫn hướng mũi khoét	Dẫn hướng mũi khoét Vật liệu bằng thép, kích thước 120x80x10mm, khoan sẵn lỗ Φ 20 để dẫn hướng
19	Dao cạo sơn	Dao cạo sơn Lưỡi dao có chất liệu thép không gỉ, tay cầm nhựa hoặc cao su. Kích thước lưỡi dao 10,5cm, chiều dài tổng thể 23cm
20	Dây dệt dù	Dây dệt dù bản dệt có chất liệu sợi tổng hợp, màu xanh lá, bản rộng 4cm, dày 2,5mm
21	Dây hàn Mig không có thuốc 1.2 mm	Dây hàn Mig Kim Tín. Đường kính dây 1,2mm, trọng lượng cuộn dây 5kg. Dây hàn lõi không thuốc (dùng khí), lượng khí 12-13lít/phút. Dòng điện hàn 110-200A
22	Ke góc	Ke góc nhôm định hình 30x60, 30x30. Vật liệu nhôm tấm 7075-T6 hoặc 2024-T351, dày 5mm, xử lý anodize chống ăn mòn; dạng L-shaped (90°), có lỗ sẵn Φ 6,4 để bắt rivet.
23	Kẹp định vị	Kẹp định vị. Vật liệu bằng thép lò xo, lực kẹp \leq 2000N, độ mở ngàm kẹp 0-50mm, chốt gài Φ 4,8- Φ 6,4. Chiều dài tổng thể 180-200mm
24	Lò xo khóa bát	Lò xo khóa bát, vật liệu thép lò xo không gỉ (Inox 302 hoặc 304), đàn hồi dạng lò xo kéo, đường kính dây Φ 2mm; đường kính ngoài lò xo Φ 16mm, chiều dài chưa làm việc 80mm
25	Má dẫn đầu rút	Má dẫn đầu rút: là bộ dẫn đầu rút rivet (đỉnh tán) gồm đầu kit rút M3÷M8 + cờ lê + 4 đầu rút loại 2,4 mm -3,2mm - 4,0mm - 4,8mm
26	Mỡ bôi trơn	Mỡ bôi trơn Shell GaDus S2 V2203: là loại mỡ chịu nhiệt cao độ nhớt 220, nhiệt độ làm việc tới 600°C; sử dụng bôi trơn vòng bi, chịu nhiệt, chống ăn mòn. Quy cách thùng 18kg.
27	Mỏ hàn hơi	Mỏ hàn hơi gồm: bép hàn chất liệu bằng đồng, có 02 van điều chỉnh khí và điều chỉnh ga
28	Mũi doa côn	Mũi doa côn Φ 10-20 chất liệu bằng thép gió HSS và được phủ lớp Titanium. Đầu

		nhỏ $\Phi 10\text{mm}$, đầu lớn $\Phi 20\text{mm}$; 6 me cắt, chiều dài me cắt 135mm. Mũi doa dạng rãnh thẳng, cán thẳng.
29	Mũi doa trụ	Mũi doa trụ $\Phi 20\text{ mm}$ HSS Chất liệu bằng thép gió và được phủ lớp Titanium kích thước $\Phi 20\text{mm}$; chiều dài me cắt 135mm, 6 me cắt; Mũi doa dạng rãnh thẳng, cán thẳng.
30	Mũi doa trụ	Mũi doa trụ $\Phi 10$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao được phủ lớp Titanium kích thước $\Phi 10\text{mm}$; chiều dài me cắt 135mm, 6 me cắt. Mũi doa dạng rãnh thẳng, cán thẳng.
31	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 10\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 10\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 10\text{mm}$; rãnh xoắn; chiều dài mũi khoan 133mm; góc vát mũi khoan 118°
32	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 11\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 11\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 11\text{mm}$; rãnh xoắn; chiều dài mũi khoan 142mm; góc vát mũi khoan 118°
33	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 12\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 12\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 12\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 152mm; góc vát mũi khoan 118° .
34	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 2,5\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 2,5\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 2,5\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 57mm; góc vát mũi khoan 118°
35	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 3\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 3\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 3\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 61mm; góc vát mũi khoan 118°
36	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 4\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 4\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 4\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 75mm; góc vát mũi khoan 118°
37	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 4,5\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao

		(HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 4,5\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 4,5\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 80mm; góc vát mũi khoan 118°
38	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 5\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 5\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 5\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 86mm; góc vát mũi khoan 118°
39	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 6\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 6\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 6\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 93mm; góc vát mũi khoan 118°
40	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 6,5\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 6,5\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 6,5\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 101mm; góc vát mũi khoan 118°
41	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 6,8\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 6,8\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 6,8\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 109mm; góc vát mũi khoan 118°
42	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 7,5\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 7,5\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 7,5\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 109mm; góc vát mũi khoan 118°
43	Mũi khoan	Mũi khoan $\Phi 8,5\text{mm}$ Chất liệu bằng thép gió và cac bon cao (HSS) được phủ lớp Titanium. Đường kính mũi $\Phi 8,5\text{mm}$, đường kính chuôi (cán) $\Phi 8,5\text{mm}$; rãnh xoắn. chiều dài mũi 117mm; góc vát mũi khoan 118°
44	Nước pha sơn	Nước pha sơn: trạng thái lỏng, trong suốt, không màu. Có tác dụng làm loãng sơn trước khi sử dụng nhiệt độ môi trường làm việc từ -60°C đến $+60^{\circ}\text{C}$. Thành phần chính hydrocarbons, alcohol, các hỗn hợp dung môi hữu cơ khác
45	Que hàn HV-j 422	Que hàn HV-J422, que hàn thép carbon thường, vỏ bọc rutile (TiO_2). Đường kính que hàn 3,2mm, chiều dài que hàn 350mm.

46	Que hàn HV-j 422	Que hàn HV-J422, que hàn thép carbon thường, vỏ bọc rutile (TiO ₂). Đường kính que hàn 4,5mm, chiều dài que hàn 400mm.
47	Silicone	Silicon EC đúng chủng loại, màu trắng sữa có độ đàn hồi cao, thời gian khô 6 phút. Quy cách hộp 450g.
48	Sơn Bạch Tuyết xanh	Sơn Bạch Tuyết xanh Sơn dầu, màu xanh; thành phần chính: chất tạo màng, dung môi, bột màu các loại, chất làm khô, bóng. Thời gian khô bề mặt ở 30 ⁰ >8 giờ
49	Sơn chống gỉ TOA con vệt vàng	Sơn chống gỉ TOA Con vệt vàng Sơn lót, sơn chống gỉ, thành phần chính: chất tạo màng, dung môi, bột khoáng. Thời gian khô bề mặt 30 phút; thời gian sơn lớp tiếp theo 8 giờ
50	Tổng chốt	Tổng chốt Dụng cụ tháo đinh chốt đa năng, chất liệu thép gió, kích thước 50÷ 75mm. Thiết kế hình trụ hoặc lục giác 10÷12mm, một đầu thiết kế nhọn đường kính từ 2÷10mm
51	Vải lau	Vải lau: thành phần sợi cotton; Thẩm nước, thấm dầu tốt. Kích thước 20x20 cm, 30x30, 40x40 hoặc cắt theo yêu cầu; độ dày 0,5÷2mm; Đa dạng màu sắc.
52	Xà bông	Xà bông ô mô Trung tính, gói 380g.

1.3. Các yêu cầu khác

- Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về phương thức thanh toán, yêu cầu về cung cấp tài chính (nếu có), yêu cầu về dịch vụ liên quan như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ... (nếu có). Các yêu cầu này phải được nêu chi tiết để nhà thầu chuẩn bị E-HSDT.

- **Đấu thầu bền vững:** có thể đưa ra yêu cầu về hàng hóa thân thiện môi trường, xã hội, sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương (nếu có) như: tiết kiệm năng lượng hoặc tiết kiệm nước khi sử dụng, khí thải ít độc hại, không có chất độc hại, phá hủy môi trường; hàng hóa sản xuất không vi phạm trách nhiệm xã hội hoặc từ nguồn nguyên liệu bền vững, hữu cơ, vật liệu tái chế; sử dụng vật liệu xanh để đóng gói hàng hóa; tiết kiệm nhiên liệu, giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, sử dụng container có thể tái sử dụng để vận chuyển hàng hóa; mức độ xả thải, rác thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác

động môi trường và cộng đồng xung quanh; cam kết thu hồi hoặc tái chế khi hàng hóa hết sử dụng...

- Tùy theo từng gói thầu có thể yêu cầu nhà thầu chào phương án thay thế ngoài phương án chính theo yêu cầu của E-HSMT, trong đó cần quy định rõ phương án thay thế của nhà thầu chỉ được xem xét trong quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng khi nhà thầu được đề xuất trúng thầu theo phương án chính hoặc quy định trong trường hợp kết quả đánh giá các E-HSMT theo phương án chính không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì mới xem xét phương án thay thế của các nhà thầu.

Mục 2. Bản vẽ (Không yêu cầu)

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:

- 100% hàng hóa phải được kiểm tra, nghiệm thu của các cơ quan chức năng của chủ đầu tư. Kiểm tra các tài liệu chứng minh tính phù hợp và hợp lệ của hàng hóa; kiểm tra kích thước, khối lượng của hàng hóa.

- Hàng hóa đạt yêu cầu chất lượng theo hợp đồng thì sẽ được hai bên tiến hành ký biên bản nghiệm thu cuối cùng đưa vào sử dụng

+ Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu thì bên bán có trách nhiệm đổi lại cho đúng với yêu cầu chất lượng của hợp đồng.

+ Trong trường hợp các hàng hóa do nhà thầu cung cấp được Chủ đầu tư yêu cầu kiểm tra trên các giá thử của Chủ đầu tư hoặc của cơ quan có chức năng chuyên ngành, thì toàn bộ chi phí do nhà thầu chịu.